TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BÀ RỊA** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 20/2018/DS-ST Ngày 29- 05 - 2018 V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng
2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thảo là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 90/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 03 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 04 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2018/QĐST-DS ngày 14-05-2018, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 06/2018/TB-TA ngày 25-05-2018, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 08/2018/QĐ-TĐTT ngày 28-05-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đinh Phú H, sinh năm 1982, có mặt;

Địa chỉ: Số 1969B, tổ 14, khu phố 5, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Bình G, sinh năm 1988, có mặt;

Địa chỉ: Tổ 15, ấp B1, xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1998, có mặt;

Địa chỉ: Địa chỉ: Tổ 15, ấp B1, xã HL, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12-03-2018 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Xuất phát từ chỗ thân quen và xét thấy hoàn cảnh ông G có khó khăn về kinh tế, vì vậy trong thời gian năm 2016 ông H đã nhiều lần cho ông G mượn tiền cụ thể:

1. Ngày 02- 01- 2016: Số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng),
2. Ngày 05- 01-2016: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng),
3. Ngày 07- 02- 2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
4. Ngày 12- 02- 2016: Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng),
5. Ngày 25-02 -2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
6. Ngày 21-03-2016: Số tiền 4.000.000đ (mười triệu đồng),
7. Ngày 05-04-2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
8. Ngày 14-04-2016: Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng),
9. Ngày 01- 05-2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
10. Ngày 11-05-2016: Số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng),
11. Ngày 25-05-2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
12. Ngày 30- 05-2016: Số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng),
13. Ngày 01- 06-2016: Số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng),
14. Ngày 21- 06-2016: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng),
15. Ngày 02- 07-2016: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng),
16. Ngày 25- 07-2016: Số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng),
17. Ngày 10- 08-2016: Số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Tổng cộng 17 đợt là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng), thời hạn vay từ 1 tháng đến hai tháng, mục đích vay để buôn bán, chăn nuôi, không tính lãi suất, mỗi khoản vay ông H đều có lập 1 giấy vay tiền để cả ông H và ông G cùng ký tên, có những khoản vay ông G ghi chung và ký tên. Các giấy tờ vay mượn đều là giấy tờ tay không có công chứng chứng thực, không tính lãi suất, không thế chấp tài sản. Quá thời hạn thanh toán mặc dù ông H đã nhiều lần yêu cầu ông G thanh toán nợ nhưng ông G cứ hứa hẹn không có thiện chí trả nợ dẫn đến ông H khởi kiện tại Tòa. Số nợ này chỉ cá nhân ông G vay, không liên quan đến vợ ông G.

Nay ông H yêu cầu Tòa án buộc ông G phải thanh toán cho ông H số tiền là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng) và tự nguyện không yêu cầu tính lãi.

Ông H có vợ tên Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1981, hiện sống cùng địa chỉ với ông. Số tiền ông H cho ông G vay là của cá nhân ông H không liên quan đến bà N.

Bị đơn ông Nguyễn Bình G trình bày tại phiên tòa:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án số 90/2018/TB-TLVA ngày 27-03-2018, thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông G, mặc dù được vợ ông G là bà Nguyễn Thị Ngọc T ký nhận

và cam kết giao tận tay cho ông G nhưng ông G không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông H nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến từ phía ông G. Tại phiên tòa ngày 29-05-2018 ông G và vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc T có mặt. Theo lời trình bày của ông G thừa nhận có nợ 17 đợt với tổng số tiền 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng) và khẳng định các khoản vay không thế chấp tài sản nhưng đều có tính lãi suất 8%/1 tháng, mỗi tháng ông G có trả lãi cho ông H nhưng không có chứng minh nên đồng ý không yêu cầu Tòa án khấu trừ vào nợ gốc.

Nay ông G công nhận nợ và đồng ý thanh toán, về thời hạn yêu cầu ông H cho trả dần, vào ngày 15-06-2018 ông G trả 15.000.000 đồng, tháng 7-2018 trả 1.000.000 đồng, từ tháng 8-2018 trở đi mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Bà Trinh và ông G là vợ chồng, ông bà đã kết hôn vào tháng 01-2016, toàn bộ việc vay mượn tiền giữa ông H và ông G diễn ra như thế nào bà hoàn toàn không biết, không tham gia giao dịch, không sử dụng số tiền vay và chưa bao giờ nghe ông G báo cáo khoản nợ trên. Vì vậy bà Trinh không liên quan và chịu trách nhiệm cùng với ông G thanh toán nợ.

***[5]** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Đinh Phú H khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Bình G, tại thời điểm Tòa án thụ lý có cư trú tại thành phố Bà Rịa. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xét là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp theo biên bản giao nhận chứng cứ của Tòa án lập ngày 02-04-2018 và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thể hiện: Từ ngày 02-01-2016 đến ngày 10-08-2016 ông G có vay của ông H 17 đợt với tổng số tiền là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng). Việc vay tiền được lập thành 9 giấy mượn tiền có chữ ký của ông H và ông G, trong đó

có 1giấy ghi 2, 3 đợt mượn tiền, đồng thời chỉ có giấy mượn tiền ngày 02-01-2016 ghi thời hạn trả là 1 tháng, giấy mượn tiền ngày 07-2016 và ngày 27-02-2016 thời hạn trả là 2 tháng, đối với các giấy mượn tiền còn lại không ghi thời hạn trả và không thể hiện lãi suất. Khi tham gia giao dịch, các đương sự đều là người có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi, mặc dù 09 giấy mượn tiền chỉ do hai bên tự ký tên mà không được công chứng chứng thực, tuy nhiên việc tham gia giao dịch xuất phát từ sự tự nguyện và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Để có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, Tòa án đã kết hợp với Công an xã HL, thành phố Bà Rịa tiến hành lấy lời khai của ông G nhưng không thực hiện được. Về phía ông G không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cũng không phản đối chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xem như từ bỏ các quyền và nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại phiên tòa ngày 29-05-2018 ông G có mặt xác nhận nợ và đồng ý thanh toán với hình thức trả dần cho đến khi dứt nợ. Các khoản vay các bên thừa nhận không thế chấp tài sản, về lãi suất không thống nhất phía ông H cho rằng không tính lãi suất, còn ông G khai nhận có tính lãi suất 8%/1 tháng, mỗi tháng ông G có trả lãi cho ông H nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không yêu cầu Tòa án khấu trừ vào nợ gốc. Phía ông H cho rằng việc tính lãi do sự tự nguyện của các bên và không nhớ ông G đã thanh toán được bao nhiêu tiền lãi nên không đồng ý khấu trừ tiền lãi vào nợ gốc. Xét việc ông G không chứng minh được số tiền lãi đã thanh toán và không yêu cầu khấu từ tiền lãi vào nợ gốc là tự nguyện và có căn cứ nên Tòa án chấp nhận. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông H không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng) nên ghi nhận.

Theo bà Nguyễn Thị Ngọc T là vợ của ông G khẳng định đây là nợ riêng của cá nhân ông G không liên quan đến bà Trinh và trên thực tế tại 9 giấy mượn tiền không có chữ ký của bà Trinh, mặt khác ông H xác định khoản nợ trên là của cá nhân ông G. Vì vậy không có căn cứ để buộc bà Trinh phải chịu trách nhiệm liên đới cùng với ông G thanh toán nợ.

Về phương thức thanh toán: Ông G yêu cầu ông H cho trả dần, ngày 15-06-2018 trả 15.000.000 đồng, tháng 7-2018 trả 1.000.000 đồng, từ tháng 8-2018 trở đi mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ, còn ông H yêu cầu buộc ông G trả dứt điểm 1 lần số nợ còn thiếu là không có cơ sở để chấp nhận. Bởi vì việc thỏa thuận phương thức thanh toán do các đương sự thỏa thuận tại cơ quan thi hành án.

Từ những chứng cứ nêu trên có căn cứ xác định đây là hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền là có căn cứ và không vi phạm thời hiệu khởi kiện, mặt khác việc vay tiền phát sinh sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên Tòa án áp dụng những quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[3]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông G phải chịu toàn bộ án phí, ông H được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên ông H tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho ông G nên Tòa án công nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 351, 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Phú H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Bình G.

1. Buộc ông Nguyễn Bình G có nghĩa vụ thanh toán cho ông Đinh Phú H số tiền 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bà Nguyễn Thị Ngọc T không liên quan đến quan hệ tranh chấp vay tài sản giữa ông Đinh Phú H và ông Nguyễn Bình G.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Bình G phải nộp 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đinh Phú H không phải chịu án phí và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Tuy nhiên ông Đinh Phú H tự nguyện nộp thay toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Bình G là 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền 1.825.000đ (một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001282 ngày 23-03-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy ông Đinh Phú H tiếp tục nộp 1.825.000đ (một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) án phí.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt hoặc có người đại diện hợp pháp có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Thị Yến Oanh